|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS YÊN THƯỜNG** | **NỘI DUNG ÔN TẬP KHỐI 6** |
| **NĂM HỌC 2019-2020** | **KÌ NGHỈ DỊCH COVID-19**  ***(Tuần 8: Từ 23/3 đến 28/3)*** |

**MÔN TOÁN**

1. **Bài tập SGK: HS làm từ bài 6 đến bài 10/Trang 8,9**
2. **Bài tập bổ trợ:**

**Bài 1**. Tìm số nguyên x biết:

1/ -16 + 23 + x = - 16 2/ 2x – 35 = 15

3/ 3x + 17 = 11 4/ │x - 1│= 0

5/ -13 .│x│ = -26 6/ (2x – 5) + 17 = 6

7/ 10 – 2(4 – 3x) = -4 8/ - 12 + 3(-x + 7) = -18

9/ 24 : (3x – 2) = -3 10/ x.(x + 7) = 0

11/ (x + 12).(x-3) = 0 12/ (-x + 5).(3 – x ) = 0

13/ 3x – 10 = 2x + 13 14) |x + 12| -27 = -5

15) x + 5 = 10 –x 16) 12 – x2= 3

17) 2.(x-1) + 3(x-2) = x -4 18) (x – 1)3- 2 = -10

**Bài 2**. Cho các phân số sau: ; ; ; ; ; 1; -5

Hãy tìm các phân số bằng với phân số:

a) b) c) d)

**Bài 3**. Viết 3 phân số bằng với các phân số sau:

a) b) c) d)

**Bài 4**. Tìm số nguyên x, biết:

a) ; b); c); d);

**Bài 5**. Tìm các số nguyên x và y biết:

a) và x < 0 < y b) và x-y=4

**MÔN VẬT LÝ**

1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

a. Mỗi đòn bẩy đều có điểm tựa là ............., điểm tác dụng của lực F1 là .............., điểm tác dụng của lực F2 là

b. Khi dùng đòn bẩy để nâng một vật , muốn lực nâng vật nhỏ hơn trọng lượng của vật

thì phải làm cho khoảng cách từ điểm tựa đến điểm tác dụng của ...........................lớn hơn khoảng cách từ điểm tựa đến điểm tác dụng của....................

|  |  |
| --- | --- |
| Muốn F2 < F1 thì .................. | F1  02  F2 o 01 |

2. Trong các phát biểu sau đây , câu nào đúng , câu nào sai ? Đánh dấu x vào ô thích hợp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phát biểu | đúng | sai |
| A. Đòn bẩy luôn có điểm tựa cố định |  |  |
| B. Cái kéo cũng là một ví dụ về đòn bẩy |  |  |
| C. Dùng đòn bẩy được lợi về lực khi OO1 = OO2. |  |  |
| D. Dùng đòn bẩy được lợi về lực khi OO1 < OO2. |  |  |
| E.Dùng đòn bẩy được lợi về lực khi OO1 > OO2. |  |  |
| E. Dùng đòn bẩy luôn được lợi về lực |  |  |

3. điền từ thích hợp vào chỗ trống

a. Các chất lỏng nở ra khi …………………. Và co lại khi…………………………

Các chất lỏng khác nhau nở vì nhiệt………………..

b. Trong các chất lỏng rượu, dầu ,nước thì ……………….nở vì nhiệt ít nhất.

c. Khi đun nước ta không nên đổ đầy ấm vì…………………

d. Khi tra vành sắt vào bánh xe gỗ , người ta thường phải nung nóng vành sắt lên để vành sắt lên để vành sắt ………………rồi mới tra vào bánh xe gỗ và khi vành sắt nguội đi nó sẽ………………….

4. Khi nhiệt độ tăng lên thì thể tích chất lỏng sẽ………………

A. Nhỏ hơn B. lớn hơn

C. bằng C. không bằng

5. Khi nhiệt độ tăng lên thì thể tích của chất lỏng sẽ ………….thể tích của chất lỏng ở nhệt độ ban đầu:

A. nhỏ hơn B. lớn hơn

C. bằng D. không bằng

6. Khi tăng nhiệt độ từ 00C lên 40C thì thể tích nước :

A Không đổi B. Tăng lên

C. Giảm đi C. Có thể tăng có thể giảm

7. Khi tăng nhiệt độ từ 200C lên 500C thì thể tích nước :

A Không đổi B. Tăng lên

C. Giảm đi C. Có thể tăng có thể giảm

8. Khi tăng nhiệt độ từ 100C lên 200C thì khối lượng nước :

A Không đổi B. Tăng lên

C. Giảm đi C. Có thể tăng có thể giảm

9. Hiện tượng nào sau đây xảy ra khi đun nóng một lượng chất lỏng?

A. Khối lượng của chất lỏng tăng

B. Trọng lượng của chất lỏng tăng

C. Thể tích của chất lỏng tăng

D. cả khối lượng, trọng lượng và thể tích của vật đều tăng

10. Tại sao các đường dây điện và đường dây điện thoại không bao giờ được kéo căng gữa các cột điện mà luôn được mắc trùng xuông ?

A. Vì vào ban ngày ,nhiệt độ tăng lên dây sẽ co lại và bị đứt.

B. Vì vào ban ngày ,nhiệt độ tăng lên dây sẽ dãn ra và bị đứt.

C.Vì vào ban đêm ,nhiệt độ giảm xuống dây sẽ co lại và bị đứt.

D.Vì vào ban đêm ,nhiệt độ giảm xuống dây sẽ dãn ra và bị đứt.

11. Có hai bình giống hệt nhau chứa đầy chất lỏng . Một bình chứa đầy rượu và một bình còn lại chứa đầy nước Khi đun nóng lên cùng một nhiệt độ như như nhau .Hỏi rượu hay nước tràn ra ngoài nhiều hơn . Giải thích

12. Tại sao người ta không đóng chai nước ngọt thật đầy?

**MÔN SINH HỌC**

**Câu 1.** Dựa vào đặc điểm của vỏ quả và hạt, loại quả nào dưới đây được xếp cùng nhóm với quả mơ ?

A. Nho      B. Cà chua C. Chanh      D. Xoài

**Câu 2.** Quả nào dưới đây là quả khô không nẻ ?

A. Chò B. Lạc C. Bồ kết D. Tất cả các phương án đưa ra

**Câu 3.** Khi chín, vỏ của quả nào dưới đây không có khả năng tự nứt ra ?

A. Quả bông B. Quả me C. Quả đậu đen D. Quả cải

**Câu 4.** Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Quả mọng được phân chia làm 2 nhóm là quả thịt và quả hạch.

B. Quả hạch được phân chia làm 2 nhóm là quả thịt và quả mọng.

C. Quả thịt được phân chia làm 2 nhóm là quả hạch và quả mọng.

D. Quả thịt được phân chia làm 2 nhóm là quả khô và quả mọng.

**Câu 5.** Quả thìa là được xếp vào nhóm nào dưới đây ?

A. Quả khô không nẻ B. Quả khô nẻ C. Quả mọng D. Quả hạch

**Câu 6.** Chất dinh dưỡng của hạt được dự trữ ở đâu ?

A. Thân mầm hoặc rễ mầm B. Phôi nhũ hoặc chồi mầm

C. Lá mầm hoặc rễ mầm D. Lá mầm hoặc phôi nhũ

**Câu 7.** Bạn có thể tìm thấy phôi nhũ ở loại hạt nào dưới đây ?

A. Hạt đậu đen      B. Hạt cọ C. Hạt bí      D. Hạt cải

**Câu 8.** Nhóm nào dưới đây gồm những cây Hai lá mầm ?

A. Cam, mít, cau, chuối, thanh long

B. Cao lương, dừa, mía, rau má, rau ngót

C. Rau dền, khoai lang, cà chua, cải thảo

D. Sen, sắn, khế, gừng, dong ta

**Câu 9.** Vì sao người ta chỉ giữ lại làm giống các hạt to, chắc, mẩy, không bị sứt sẹo và sâu bệnh ?

A. Tất cả các phương án đưa ra.

B. Vì những hạt này có thể nảy mầm trong bất kì điều kiện nào mà không bị tác động bởi các yếu tố của môi trường bên ngoài.

C. Vì những hạt này có phôi khoẻ và giữ được nguyên vẹn chất dinh dưỡng dự trữ. Đây là điều kiện cốt lõi giúp hạt có tỉ lệ nảy mầm cao và phát triển thành cây con khoẻ mạnh.

D. Vì những hạt này có khả năng ức chế hoàn toàn sâu bệnh. Mặt khác, từ mỗi hạt này có thể phát triển cho ra nhiều cây con và giúp nâng cao hiệu quả kinh tế.

**Câu 10.** Khi lột bỏ lớp vỏ ngoài, bạn có thể tách đôi rất dễ dàng loại hạt nào dưới đây ?

A. Hạt ngô      B. Hạt lạc C. Hạt cau      D. Hạt lúa

**Câu 11.** Loại quả nào dưới đây có khả năng tự phát tán ?

A. Trâm bầu      B. Thông C. Ké đầu ngựa      D. Chi chi

**Câu 12.** Quả trâm bầu phát tán chủ yếu theo hình thức nào ?

A. Phát tán nhờ nước B. Phát tán nhờ gió

C. Phát tán nhờ động vật D. Tự phát tán

**Câu 13.** Những loại quả có khả năng tự phát tán hầu hết thuộc nhóm nào dưới đây ?

A. Quả mọng B. Quả hạch C. Quả khô nẻ D. Quả khô không nẻ

**Câu 14.** Quả cây xấu hổ có hình thức phát tán tương tự quả nào dưới đây ?

A. Quả ké đầu ngựa B. Quả cải C. Quả chi chi D. Quả đậu bắp

**Câu 15.** Những loại quả phát tán nhờ động vật có đặc điểm nào sau đây ?

A. Khi chín có vị ngọt hoặc bùi B. Tất cả các phương án đưa ra

C. Khi chín có mùi thơm D. Có lông hoặc gai móc

**Câu 16.** Trong các điều kiện cần cho sự nảy mầm của hạt, điều kiện nào đóng vai trò tiên quyết ?

A. Hạt được trồng tại vùng đất tơi xốp, giàu khoáng.

B. Hạt được bảo quản tốt, vẫn giữ nguyên vẹn phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.

C. Hạt được che đậy kĩ càng bằng rơm, rạ sau khi gieo

D. Hạt được gieo đúng thời vụ

**Câu 17.** Chọn một số hạt đậu tốt, khô cho vào 3 cốc thuỷ tinh, cốc 1 không cho nước, cốc 2 đổ ngập nước còn cốc 3 lót dưới những hạt đậu một lớp bông ẩm rồi để cả 3 cốc vào chỗ mát. Sau một thời gian, hạt ở cốc nào sẽ nảy mầm ?

A. Cả ba cốc      B. Cốc 3 C. Cốc 2      D. Cốc 1

**Câu 18.** Ba điều kiện bên ngoài cần thiết cho sự nảy mầm của hạt là

A. không khí, nhiệt độ và độ pH thích hợp.

B. không khí, nhiệt độ và độ ẩm thích hợp.

C. ánh sáng, nhiệt độ và độ pH thích hợp.

D. ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm thích hợp.

**Câu 19.** Hạt lạc giữ được khả năng nảy mầm khoảng

A. 3 – 5 năm.      B. 1 – 2 năm. C. 7 – 8 tháng.      D. 1 – 2 tháng.

**Câu 20.** Hạt sẽ mất hoàn toàn khả năng nảy mầm trong trường hợp nào dưới đây ?

A. Bị luộc chín B. Vùi vào cát ẩm

C. Nhúng qua nước ấm D. Phơi ngoài ánh sáng mặt trời

**MÔN ĐỊA LÝ**

**Câu 1**: Vĩ tuyến gốc là:

1. Vĩ tuyến lớn nhất cách đều 2 cực
2. Là đường xích đạo
3. Là đường vòng tròn song song với đường xích đạo

d. Vĩ tuyến được đánh số 0o

**Câu 2**. Trái Đất quay quanh trục theo hướng nào.

**Câu 3**. Thời gian Trái Đất tự quay quanh một trục trong một ngày đêm được quy ước là bao nhiêu giờ

**Câu 4**. Nguyên nhân sinh ra ngày đêm.

**Câu 5**. Hướng chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

**Câu 6**. Độ nghiêng của trục Trái Đất ở các vị trí xuân phân, hạ chí, thu phân, đông chí

**Câu 7**.Một bản đồ tự nhiên châu Á có tỉ lệ 1:1 000 000. Hai điểm A, B cách nhau 5cm. Hỏi trên thực tế hai địa điểm đó cách nhau bao nhiêu km ?

**Câu 8.** Điền vào chỗ ……

- Vòng cực Bắc là vĩ tuyến………………

- Vòng cực Nam là vĩ tuyến………………

- Miền cực Bắc được tính từ…………đến……………

- Miền cực Nam được tính từ…………đến……………

- Các miền cực là nơi có hiện tượng…………………………

- Tại vòng cực 1 năm chỉ có …………………….kéo dài suốt 24h.

- Càng về phía cực số ngày hoặc đêm dài suốt 24h càng………….

- Tại cực Bắc và cực Nam số ngày hoặc đêm dài suốt 24h kéo dài tới……………..

**MÔN NGỮ VĂN**

**Bài tập 1** . Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

“*Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh : xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát múc cám lợn,sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổnhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm vàlơ đi vì không chấp trẻ em.”*

( Trích “ Bức tranh của em gái tôi’’ – Tạ Duy Anh )

a . Em hãy nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn trên?

b Xác định ngôi kể trong đoạn văn trên và cho biết tác dụng của ngôi kể đó ?

c. Xác định biện pháp tu từ có trong đoạn văn trên và nêu rõ hiệu quả của biện pháp tu từ đó ?

d . Nhân vật “ tôi” trong đoạn văn trên là ai ? Những suy nghĩ và hành động của nhân vật “ tôi” với nhân vật “ nó” trong đoạn văn trên cho thấy nét tính cách gì ?

**Bài tập 2** . Xác định biện pháp tu từ trong các ví dụ sau :

***a.*** *Người ngắm trăng soi ngoài của sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

**b.** *Mồ hôi mà đổ xuống đồng*

*Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương*

**Bài tập 3.** Thế nào là liên tưởng, so sánh trong văn miêu tả ? Khi liên tưởng, so sánh

trong văn miêu tả cần lưu ý điều gì ? Nếu tả lại quang cảnh một buổi sáng trên quê

hương em thì em sẽ liên tưởng, so sánh các hình ảnh, sự vật sau đây với những gì ?

- Mặt trời

- Bầu trời

- Những hàng cây

- Những ngôi nhà

- Những con đường

Hãy viết một đoạn văn ngắn ( 7 – 9 câu ) miêu tả lại những sự vật trên

**Bài tập 4: Cho đoạn văn sau :**

“… *Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.*

*Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành một nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên....”*

*( Sách giáo khoa Ngữ văn 6, tập 2)*

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

2. Đoạn trích được kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể đó.

*3.* Nhân vật xưng *“Tôi”* trong đoạn trích trên là ai? Mục đích của *“Tôi”* khi trêu chị Cốc là gì mà *“Tôi”* phải ân hận tiếc nuối *“Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì.”*

4. Qua văn bản chứa đoạn trích trên , bài học rút ra cho thanh thiếu niên là gì ?

5. Viết đoạn văn khoảng 10-12 câu nêu cảm nhận của em về ngoại hình và tính cách nhân vật *“Tôi”* trong văn bản em vừa tìm. Trong đoạn văn có sử dụng 2 phó từ *(gạch chân và chú thích ).*

**MÔN TIẾNG ANH**

**UNIT 8: SPORTS AND GAMES**

**A.VOCABULARY**

- badminton  /ˈbædˌmɪn·tən/ (n): cầu lông

- volleyball  /ˈvɑl·iˌbɔl/ (n): bóng chuyền

- football  /ˈfʊtˌbɔl/ (n): bóng đá

- judo  /ˈdʒud·oʊ/ (n): võ nhu đạo

- horse race /hɔːrs ˈreɪs/ (n): đua ngựa

- basketball  /ˈbæs·kɪtˌbɔl/ (n): bóng rổ

- baseball  /ˈbeɪsˌbɔl/ (n): bóng chày

- tennis  /ˈten·ɪs/ (n): quần vợt

- table tennis  /ˈteɪ·bəl ˌten·ɪs/ (n): bóng bàn

- regatta  /rɪˈɡɑː.t̬ə/ (n): cuộc đua thuyền

- eurythmies  /yʊˈrɪð mi, yə-/ (n): thể dục nhịp điệu

- gymnastics  /dʒɪmˈnæs·tɪks/ (n): thể dục dụng cụ

- marathon  /ˈmær·əˌθɑn/ (n): cuộc đua ma-ra-tông

- marathon race  /ˈmær·əˌθɑn reɪs/ (n): chạy ma-ra-tông

- javelin throw  /ˈdʒæv·ə·lɪn θroʊ/ (n): ném lao

- pole vault  /ˈpoʊl ˌvɔlt/ (n): nhảy sào

- athletics  /æθˈlet̬·ɪks/ (n): điền kinh

- hurdle rate  /ˈhɜr·dəl reɪt/ (n): nhảy rào

- weightlifting   /ˈweɪtˌlɪf·tɪŋ/ (n): cử tạ

- swimming  /ˈswɪm·ɪŋ/ (n): bơi lội

- ice-skating  /ˈɑɪs ˌskeɪt/ (n): trượt băng

- water-skiing  /ˈwɔ·t̬ər ˈskiː.ɪŋ/ (n): lướt ván nước

- high jumping  /ˈhaɪˌdʒʌmp/  (n): nhảy cao

- archery  /ˈɑr·tʃə·ri/ (n): bắn cung

- windsurfing  /ˈwɪndˌsɜr·fɪŋ/ (n): lướt ván buồm

- cycling  /ˈsaɪ klɪŋ/ (n): đua xe đạp

- fencing  /ˈfen·sɪŋ/ (n): đấu kiếm

- hurdling  /ˈhɜr·dəlɪŋ/ (n): chạy / nhảy qua rào

- athlete  /ˈæθˌlit/ (n): vận động viên

- boat  /boʊt/ (n): con thuyền

- career  /kəˈrɪər/ (n): nghề nghiệp, sự nghiệp

- congratulations  /kənˌɡrætʃ·əˈleɪ·ʃənz/ (n): xin chúc mừng

- elect  /ɪˈlekt/ (v): lựa chọn, bầu chọn

- equipment  /ɪˈkwɪp mənt/ (n): thiết bị, dụng cụ

- exhausted  /ɪɡˈzɑː.stɪd/ (adj): mệt nhoài, mệt lử

- fantastic  /fænˈtæs·tɪk/ (adj): tuyệt

- fit  /fɪt/ (adj): mạnh khỏe

- goggles  /ˈɡɑɡ·əlz/ (n): kính (để bơi)

- gym  /dʒɪm/ (n): trung tâm thể dục

- last  /læst/ (v): kéo dài

- racket  /ˈræk·ɪt/ (n): cái vợt (cầu lông...)

- regard  /rɪˈgɑrd/ (v): coi là

- ring  /rɪŋ/ (n): sàn đấu (boxing)

- skateboard  /ˈskeɪt.bɔːrd/: (n, v) ván trượt, trượt ván

- ski  /ski/ (n, v): trượt tuyết, ván trượt tuyết

- skiing  /ˈskiː.ɪŋ/ (n): môn trượt tuyết

- sports competition /spɔːrts ˌkɒm pɪˈtɪʃ ən/ (n): cuộc đua thể thao

- sporty  /ˈspɔːr.t̬i/ (adj) khỏe mạnh, dáng thể thao

**B.GRAMMAR**

**I. Thì quá khứ đơn**

**1. Cách dùng**

- Diễn tả hành động hay sự việc đã xảy ra và kết thúc tại một thời điểm được xác định trong quá khứ.

Ví dụ: I met her last summer.

(Tôi đã gặp cô ấy vào mùa hè năm ngoái.)

- Diễn tả hành động thường làm hay quen làm trong quá khứ.

Ví dụ: She often swimming every day last year.

(Năm ngoái cô ấy đi bơi mỗi ngày.)

**2. Dạng thức của quá khứ đơn.**

a. Với động từ “to be” (was/were)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể khẳng định** |  | **Thể phủ định** |
| **I/He/She/It**  Danh từ số ít | Was + danh từ/tính từ | Was not/wasn’t + danh từ/tính từ |
| **You/We/They**  Danh từ số nhiều | Were + danh từ/tính từ | Were not/weren’t + danh tiwf/tính từ |
| Ví dụ:  -He was tired. (Anh ấy đã rất mệt.)  -They were in the room.( Họ đã ở trong phòng.) |  | Ví dụ:  -He wasn’t at school yesterday.( Hôm qua anh ấy không ở trường.)  -They weren’t in the park.(Họ không ở trong công viên.) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể nghi vấn** |  | **Câu trả lời ngắn** |
| **Was + I/He/She/It**  Danh từ số ít | + danh từ/tính từ | Yes ( No ) +I/She/He/It + was (wasn’t) |
| **Were + You/We/They**  Danh từ số nhiều | Yes (No) + You/We/They + were (weren’t) |
| Ví dụ:  -Were they tired yesterday? ( Hôm qua họ đã mệt phải không?   * Yes, they were/No, they weren’t.   -Was he at home?   * Yes, he was/No, he wasn’t |  |

**Lưu ý:**

Khi chủ ngữ câu hỏi là “you” (bạn) thì câu trả lời phải dùng “I” (tôi) để đáp lại.

b.Với động từ thường (Verbs/V)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thể khẳng định** |  | **Thể phủ định** | |
| I/You/We/They  Danh từ số nhiều | + V-ed | I/You/We/They  Danh từ số nhiều | +did not/didn’t + V nguyên mẫu |
| He/She/It  Danh từ số ít | He/She/It  Danh từ số ít |
| Ví dụ:  -She went to school yesterday.( Hôm qua cô ấy đã đi học.)  -He worked in this bank last year.( Năm ngoái anh ấy đã làm việc ở ngân hàng.) | Ví dụ:  -My mum didn’t by me a computer last year. ( Mẹ tôi đã không mua cho tôi máy tính mới năm ngoái.)  -He didn’t met me last night.( Anh ấy không gặp tôi tối qua.)  -Mr. Nam didn’t watch TV with me.(Ông Nam đã không xem TV với tôi.) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thể nghi vấn** | | | **Câu trả lời ngắn** | | |
| Did | I/You/We/They  Danh từ số nhiều  He/She/It  Danh từ số ít | +V nguyên mẫu? | Yes  No | I/You/We/They/Danh từ số nhiều  He/She/It/Danh từ số ít | Did.  Didn’t |
| Ví dụ:  -Did she work there?( Có phải cô ấy làm việc ở đó không?)  Yes she dis/No she didn’t  -Did you go to Hanoi last month? ( Có phải bạn đi Hà Nội tháng trước không?)  Yes, I did/No, I didn’t | | | | | |

c.Wh-question

Khi đặt câu hỏi có chứa **Wh-word**( từ để hỏi) như **Who, What, When,Where, Why, Which, How,** ta đặt chúng lên dầu câu. Tuy nhiên khi trả lời cho dạng câu hỏi này, ta không dùng Yes/No mà cần đưa ra câu trả lời trực tiếp.

**Cấu trúc:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Wh-word + was/were + S?** | **Wh-word + did + S + V?** |
| Ví dụ:  -Where were they? (Họ đã ở đâu thế?)  -They were in the playground. (Họ ở trong sân chơi.) | Ví dụ:  -What did Ba do at the weekend? (Ba đã làm gì vào cuối tuần?)  -He studied English. (Cậu ấy học tiếng Anh.) |

**3. Dấu hiệu nhận biết**

- Trong câu ở thì quá khứ đơn thường có sự xuất hiện của các trangj từ chỉ thời gian như:

-yesterday (hôm qua)

-last night/week/month/…(Tối qua/tuần trước/tháng trước/…)

-ago (cách đây), (two hours ago: cách đây 2 giờ/two weeks ago: cách đây hai tuần…)

-in + thời gian trong quá khứ (eg:in 1990)

-when: khi (trong câu kể)

**4. Cách thêm –ed vào sau động từ**

a. Trong câu ở thì quá khứ đơn, động từ bắt buộc phải thêm đuôi –ed. Dưới đây là các quy tắc khi thêm đuôi –ed vào động từ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thêm “ed” vào đằng sau hầu hết các động từ | Ví dụ | Want – wanted | Finish – finished |
| Look - looked | Help - helped |
| Động từ kết thúc bằng đuôi “e” hoặc “ee” chúng ta chỉ việc thêm “d” vào cuối độn từ. | Ví dụ | Live - lived | Agree - agreed |
| Love - loved | Believe - believed |
| Đối với động từ tận cùng là “y”  + Nếu trước “y” là một nguyên âm (u,e,o,a,i), ta thêm “ed” bình thường.  + Nếu trước “y” là một phụ âm ta đổi “y” thành “i+ed” | Ví dụ | Play - played | Study - studied |
| Stay - stayed | Worry – worried |
| Enjoy - ẹnoyed | Marry – married |
| Động từ một âm tiết, tận cùng bằng một nguyên âm + một phụ âm ( trừ những từ kết thúc bằng h,w,x,y), ta phải gấp đôi phụ âm trước khi thêm “ed” | Ví dụ | Stop – stopped | Fit - fitted |
| Plan - planned |  |

b. Động từ bất quy tắc

- Là những động từ được chia ở cột 2 trong “Bảng động từ bất quy tắc” (học thuộc lòng)

Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| V | V- ed | Nghĩa |
| go | went | Đi |
| have | had | Có |
| Teach | taught | Dạy |
| buy | bought | mua |
| drink | drank | Uống |

**BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN:**

**Bài 1:Cho dạng đúng của từ quá khứ đơn, dùng bảng động từ bất quy tắc nếu cần.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **V** | **V-ed** | **V** | **V-ed** |
| Meet (gặp) |  | Enjoy (thích) |  |
| Help (giúp đỡ) |  | Drive (lái xe) |  |
| Speak (nói) |  | Plan (kế hoạch) |  |
| Live (sống) |  | Put (đặt) |  |
| Write (viết) |  | Stop (dừng lại) |  |
| Study (học) |  | Sing (hát) |  |
| Do (làm) |  | Agree (đồng ý) |  |
| Cry (khóc) |  | Sit (ngồi) |  |
| Stand (đứng) |  | Borrow (mượn) |  |
| Play (chơi) |  | Run (chạy) |  |
| Stay (ở) |  | Begin(bắt đầu) |  |
| Ask (hỏi) |  | Break (làm vỡ) |  |
| Laugh (cười) |  | Bring (mang theo) |  |
| Try (cố gắng) |  | Build (xây) |  |
| Tidy (dọn dẹp) |  | Buy (mua) |  |

**Bài 2: Điền was/were vào chỗ trống:**

1. The teacher\_\_\_\_\_\_\_\_\_nice.

2. The students\_\_\_\_\_\_\_\_\_clever.

3. But one student\_\_\_\_\_\_\_\_\_in trouble.

4. We\_\_\_\_\_\_\_\_\_for him.

5. He\_\_\_\_\_\_\_\_\_nice though.

6. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_Canberra last spring.

7. We\_\_\_\_\_\_\_\_\_at school last Saturday.

8. Tina\_\_\_\_\_\_\_\_\_at home yesterday.

9. He\_\_\_\_\_\_\_\_\_happy.

10. Robert and Stan\_\_\_\_\_\_\_\_\_Garry’s friends.

11. You\_\_\_\_\_\_\_\_\_very busy on Friday.

12. They\_\_\_\_\_\_\_\_\_in front of the supermarket.

13. I\_\_\_\_\_\_\_\_\_in the museum.

14. She\_\_\_\_\_\_\_\_\_in South Africa last month.

15. Jessica and Kimberly\_\_\_\_\_\_\_\_\_late for school.

**Bài 3:Viết các câu sau ở thể khẳng định (+), thể phủ định (-), thể nghi vấn (?)**

1. (+)He wrote a book.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. (+)She was my boss.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)They didn’t build a new house.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)I wasn’t at the concert last Sunday.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)Did you buy clothes in this clothes shop?

6. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)Were they born in Korea?

7. (+)He swam in the lake.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

8. (+)We were at the gym last week.

(-)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

9. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)She didn’t go to her office by car.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

10. (+) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(-)He wasn’t a good buy.

(?)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI TẬP GDCD**

1. Công ước Liên Hợp Quốc về quyền Trẻ em ra đời vào năm nào? Việt Nam là nước thứ mấy ở trên thế giới kí và phê chuẩn công ước?

2. Nội dung của Hiệp ước có thể chia thành mấy nhóm quyền,kể tên các nhóm quyền.

3. Theo Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em, Trẻ em có những quyền cơ bản nào?

4. Ý nghĩa của Công ước về Liên Hợp Quốc về quyền Trẻ em.

5. Bổn phận của trẻ em, em đã được hưởng những quyền nào và chưa được hưởng những quyền nào?

6. Tình huống: Hòa 12 tuổi đang học lớp 6, bố mẹ Hòa buộc em phải nghỉ học để giúp đỡ gia đình. Theo em Hòa không được hưởng những quyền gì mà lẽ ra Hòa phải được hưởng.

**PHIẾU BÀI TẬP LỊCH SỬ**

I**/ TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Dấu tích của Người tối cổ tìm thấy tại địa điểm nào ở Lạng Sơn?

A. Hang Thẩm Bà. B. Mái đá Ngườm.

C. Hang Thẩm Hai. D. Xuân Lộc.

**Câu 2**: Con người xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất cách ngày nay khoảng:

A. 3 – 4 triệu năm B. 5 – 6 triệu năm

C. 4 vạn năm. D. 4000 năm

**Câu 3**: Nối cột A với cột B cho phù hợp:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Cột A (thời gian)*** | ***Cột B (sự kiện)*** |
| 1. Thiên niên kỉ III TCN. | A. Các quốc gia cổ đại phương Tây thành lập |
| 2. Thiên niên kỉ I TCN | B. Các quốc gia cổ đại phương Đông thành lập |
| 3. Thế kỉ VII TCN. | C. Nước Âu Lạc thành lập |
| 4. Năm 207 TCN | D. Nước Văn Lang thành lập |

**II/ TỰ LUẬN**

**Câu 1**:Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và từ bao giờ?

**Câu 2**: So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa chế độ chiếm hữu nô lệ phương Đông và phương Tây?

**Câu 3**: Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang và nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước đầu tiên này